



TRIẾT

Triết học Mác - Lênin (Đại học Hà Nội)



Scan to open on Studocu

1. **Khái niệm vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất theo chủ nghĩa duy vật biện chứng.**

➤ Khái niệm vật chất:

- **Vật chất là một PTTH dùng để chỉ thực tại khách quan, đem lại cho con người trong cảm giác, được cảm giác của chúng ta chép lại, chụp lại, phản ánh và tồn tại không lệ thuộc vào cảm giác.**

Nội dung của khái niệm: 4 ý

- **Với tư cách là một PTTH**, vật chất là sự trừu tượng hóa, khái quát hóa, không tồn tại trực quan, cảm tính, nghĩa là không đồng nhất vật chất với những vật thể.

- **Thuộc tính cơ bản của vật chất là thuộc tính khách quan, tồn tại không lệ thuộc vào cảm giác** – đây là tiêu chuẩn phân biệt (một cách tương đối) vật chất với ý thức.

- **Vật chất là thực tại khách quan, đem lại cho con người trong cảm giác và tồn tại không lệ thuộc vào cảm giác** – thừa nhận vật chất có trước, cảm giác (ý thức) có sau.

- **Vật chất là thực tại khách quan, đem lại cho con người trong cảm giác, được cảm giác chép lại, chụp lại, phản ánh** – thừa nhận con người có khả năng nhận thức được thế giới thông qua cảm giác và ý thức.

➤ Các hình thức tồn tại của vật chất theo CNDVB

Vận động

Định nghĩa của Ăngghen về vận động:

- Vận động hiểu theo nghĩa chung nhất – tức hiểu là một **phương thức tồn tại của vật chất**, là một thuộc tính cố hữu của vật chất, - thì **bao gồm tất cả mọi sự thay đổi và mọi quá trình diễn ra trong vũ trụ**, kể từ sự thay đổi vị trí giản đơn cho đến tư duy.

Các hình thức vận động:

- **Vận động cơ học**: chuyển dịch vị trí của vật thể trong không gian.

- **Vận động vật lý**: quá trình biến đổi của nhiệt độ, các hạt cơ bản, điện, từ trường.

- **Vận động hóa học**: sự biến đổi các chất vô cơ, hữu cơ.

- **Vận động sinh học**: quá trình biến đổi các cơ thể sống.

- **Vận động xã hội**: sự biến đổi các quan hệ kinh tế, chính trị, văn hóa.

→ giữa các hình thức có sự chuyển hóa lẫn nhau, hình thức vận động thấp làm tiền đề cho hình thức vận động cao, hình thức vận động cao bao hàm hình thức vận động thấp.

Không gian và thời gian

- Không gian là cái chỉ **vị trí** (ở chỗ nào?), **quảng tính** (chiều rộng, chiều dài, chiều cao) của sự vật.

- Thời gian là **sự tồn tại** của sự vật được thể hiện ở **quá trình biến đổi: nhanh-chậm, kế tiếp và chuyển hóa**.

Tính chất chung:

- **KG và TG mang tính khách quan**: là thuộc tính cố hữu của vật chất, tồn tại không tách rời nhau và không tách rời vật chất, phụ thuộc lẫn nhau giữa KG-TG-VC

- **KG và TG mang tính vĩnh cửu, vô tận**: vô cùng thủy chung, vô cùng vô tận, không có điểm bắt đầu và điểm tận cùng trong vũ trụ.

Tính chất riêng:

- **Tính 3 chiều của KG** (chiều dài, chiều rộng, chiều cao), **tính một chiều của TG** (QK – HT – TL)

- **KG và TG mang tính tương đối**.

2. Phân tích nguồn gốc, bản chất của ý thức theo chủ nghĩa duy vật biện chứng.

➤ Nguồn gốc của ý thức

- **Nguồn gốc tự nhiên: bộ não người và thế giới khách quan**

+ Bộ não người: là một tổ chức sống đặc biệt có cấu trúc tinh vi, phức tạp (14-15 tỷ tế bào). Các tế bào này liên quan, liên kết với nhau tạo thành vô số mối liên hệ thu nhận, điều khiển hoạt động của con người.

+ Thế giới khách quan: tác động vào bộ não con người thông qua thuộc tính vật chất là phản ánh hình thành nên ý thức.

- **Nguồn gốc xã hội: Lao động và Ngôn ngữ**

+ Lao động: là quá trình con người sử dụng công cụ lao động tác động vào thế giới tự nhiên nhằm tạo ra những sản phẩm phục vụ cho nhu cầu của mình.

Vai trò của lao động: là điều kiện đầu tiên và chủ yếu để con người tồn tại. Thay đổi chế độ ăn uống Lao động là điều kiện cơ bản, đầu tiên của toàn bộ đời sống loài người...đã sáng tạo nên bản thân con người.

+ Ngôn ngữ: là cái vỏ vật chất của tư duy. Ngôn ngữ có nhiều hình thức biểu hiện: cử chỉ, tiếng nói, chữ viết.

Vai trò của ngôn ngữ: là phương tiện giao tiếp trong xã hội; nhờ ngôn ngữ mà con người tổng kết được thực tiễn, thay đổi tri thức; không có ngôn ngữ thì ý thức không thể hình thành và phát triển được.

➔ Chính lao động và ngôn ngữ là 2 yếu tố cực kỳ quan trọng thúc đẩy quá trình hình thành ý thức. Ý thức là một sản phẩm của xã hội và là một hiện tượng xã hội.

➤ Bản chất của ý thức

- **Ý thức là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan:** Ý thức là sự phản ánh năng động, sáng tạo thế giới khách quan của bộ óc con người; là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan; ý thức là hiện tượng xã hội mang bản chất xã hội.

- **Ý thức phản ánh thế giới khách quan nhưng không phản ánh nguyên xi, thụ động, mà phản ánh thông qua hoạt động sáng tạo của bộ óc con người**

- **Ý thức là một hiện tượng lịch sử - xã hội:** sự ra đời, tồn tại và phát triển của ý thức gắn liền với hoạt động thực tiễn, chịu sự chi phối của các quy luật sinh học và hiện thực xã hội.

3. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến và ý nghĩa phương pháp luận. Liên hệ với hoạt động của bản thân.

➤ Khái niệm về mối liên hệ phổ biến:

- Mọi sự vật, hiện tượng không tồn tại một cách biệt lập, tách rời mà có **mối liên hệ tác động qua lại** lẫn nhau, làm tiền đề, tồn tại cho nhau; nương tựa, chuyển hóa lẫn nhau, thúc đẩy hoặc kìm hãm sự phát triển của nhau.

Những đặc trưng cơ bản:

- **Tính khách quan:**

- mối liên hệ là cái vốn có, bên trong các sự vật, hiện tượng
- bản chất của sự vật, hiện tượng là sự tác động qua lại giữa các sự vật, hiện tượng với nhau

- **Tính phổ biến:**

- Mọi liên hệ tồn tại ở mọi sự vật, hiện tượng

- **Tính đa dạng phong phú:**

- Mọi sự vật, hiện tượng khác nhau tồn tại nhiều mối liên hệ khác nhau.
- Dựa trên các cơ sở khác nhau phân chia các mối liên hệ: mlh bên ngoài – bên trong, mlh cơ bản – không cơ bản, mlh bản chất – không bản chất, mlh thời gian – không gian.

➤ Ý nghĩa phương pháp luận:

- **Quan điểm toàn diện:**

Nhận thức sự vật, hiện tượng trong mlh qua lại giữa các bộ phận, giữa các mặt của chính sự vật và sự tác động qua lại giữa sự vật đó với sự vật khác.

- Tại sao cần có quan điểm toàn diện?

Mọi sự vật, hiện tượng được cấu thành từ nhiều bộ phận khác nhau, có nhiều mqh với TG

- Quan điểm toàn diện yêu cầu:

- Khi nghiên cứu, tìm hiểu cần tìm **mlh cơ bản**
- Xem xét đối tượng một cách **bao quát**, nhiều mặt, nhiều góc độ
- Tìm hiểu đầy đủ các **mqh giữa đối tượng và TG** xung quanh
- Không nên có tư tưởng **giàn đều, bình quân chủ nghĩa**
- **Vận dụng nhiều phương pháp** nghiên cứu
- Khi giải quyết vấn đề cần **kết hợp nhiều biện pháp và phương tiện khác nhau**.

- Quan điểm toàn diện yêu cầu tránh:

- Tư tưởng chiết trung
- Tư tưởng phiến diện
- Thuật nguy biện
- Quan điểm xa rời thực tiễn

➤ Liên hệ bản thân:

- Khi học tập:

- Phải nắm vững mối liên hệ giữa các môn học, giữa lý thuyết và thực tiễn
- Phân tích mlh giữa phương pháp học tập và hiệu quả học tập.

4. Khái niệm cái chung và cái riêng. Mối quan hệ biện chứng giữa cái chung và cái riêng. Bài học phương pháp luận vận dụng trong hoạt động thực tiễn.

- Khái niệm cái riêng, cái chung, cái đơn nhất.
- Cái riêng: là PTTH dùng để chỉ **một svht, một quá trình riêng lẻ**, tồn tại dưới dạng chỉnh thể độc lập tương đối với sự vật khác.
- Cái chung: là PTTH dùng để chỉ **những mặt, những thuộc tính chung có ở nhiều svht**, kết cấu vật chất hoặc quá trình riêng lẻ.
- Cái đơn nhất – cái đặc thù: là PTTH dùng để chỉ **những mặt, những thuộc tính, v.v... chỉ có ở một svht nhất định** mà không lặp lại ở svht khác.
- Mối quan hệ BC giữa cái riêng, cái chung và cái đơn nhất.
- Thứ nhất, **cái chung tồn tại trong cái riêng** và tự biểu hiện mình thông qua cái riêng.
- Thứ hai, **cái riêng tồn tại trong mqh dẫn tới cái chung**.
- Thứ ba, **cái chung là cái bộ phận, cái riêng là cái toàn bộ**. Cái riêng không phản ánh hết cái chung bởi nó còn **bao hàm cả cái đặc thù** (cái đơn nhất)
- Thứ tư, tùy thuộc vào từng điều kiện, hoàn cảnh nhất định mà:
 - + cái đơn nhất có thể chuyển thành cái chung và ngược lại.
 - + cái chung được biểu hiện đa dạng thông qua cái riêng tạo nên tính đa dạng trong sự thống nhất giống, loài.
- Ý nghĩa phương pháp luận.
- Vì cái chung tồn tại trong cái riêng, thông qua cái riêng biểu hiện tự tồn tại của mình nên muốn nhận thức cái chung phải đi từ cái riêng → cơ sở của pp Quy nạp
- Vì cái riêng tồn tại dẫn tới cái chung nên muốn nhận thức cái riêng phải xuất phát từ những tri thức chung → cơ sở pp Diễn dịch
- Vì cái chung là bộ phận của cái riêng nên trong nhận thức không thể áp dụng nguyên xi cái chung vào cái riêng mà cần tính đến hoàn cảnh, lịch sử cụ thể.
- Trong xã hội, mỗi cá nhân (cái riêng) có xu hướng thể hiện bản chất (cái chung) khác nhau nên cần tôn trọng cá tính.
- Cần nhận thức sâu sắc mqh giữa cái chung – cái riêng để giải quyết hài hòa các mqh: quốc gia – quốc tế, văn hóa, cá nhân – tập thể để tránh các xu hướng cực đoan như quốc tế chủ nghĩa, dân tộc chủ nghĩa, cá nhân chủ nghĩa.
- Vận dụng thực tiễn
- Quản lý nhà nước:
 - + xác định những đặc điểm chung của các địa phương để xây dựng chính sách phát triển chung
 - + đảm bảo sự tự chủ, sáng tạo của từng địa phương trong việc thực hiện chính sách chung

5. Khái niệm, mối quan hệ biện chứng giữa nguyên nhân và kết quả. Ý nghĩa phương pháp luận. Vận dụng trong hoạt động nhận thức và thực tiễn.

- Khái niệm nguyên nhân, kết quả

- Nguyên nhân: PTTH chỉ **sự tác động lẫn nhau** giữa các mặt trong một sự vật hoặc giữa các sự vật với nhau, **gây ra một biến đổi** nhất định.
- Kết quả: PTTH dùng để chỉ **những biến đổi xuất hiện do tác động lẫn nhau** giữa các mặt trong một sự vật hoặc giữa các sự vật với nhau gây ra.
 - Mỗi quan hệ nhân quả.
- **Nguyên nhân bao giờ cũng có trước kết quả**, là cái **sinh ra kết quả** → có tính nối tiếp và sản sinh
- Quan hệ nhân quả mang **tính đa dạng, phức tạp**
 - + một nguyên nhân có thể phát sinh ra nhiều kết quả tùy thuộc vào điều kiện, hoàn cảnh
 - + một kết quả có thể tạo nên bởi nhiều nguyên nhân
- **Tính tất yếu, khách quan**
 - + quan hệ nhân quả tác động độc lập, không phụ thuộc vào ý thức con người
 - + nguyên nhân nào thì kết quả đó
- **Tính phổ biến**
 - + luật nhân quả bao trùm toàn bộ sự vận động và phát triển của vạn vật trong thế giới.
 - + luật nhân quả trong tự nhiên diễn ra một cách tự phát và có sự tham gia của con người
- **Kết quả tác động trở lại đối với nguyên nhân**
 - + nếu kết quả có ý nghĩa tích cực sẽ tác động tốt, thúc đẩy nguyên nhân, làm cho kết quả mới tốt lên
 - + nếu kết quả có ý nghĩa tiêu cực sẽ kìm hãm, tác động xấu trở lại nguyên nhân.
 - Ý nghĩa phương pháp luận
- Muốn có kết quả tốt cần phát huy những nguyên nhân tích cực, nếu muốn loại bỏ hậu quả xấu phải loại bỏ các nguyên nhân sinh ra nó.
- Chống lối suy diễn chủ quan, lấy nguyên cơ thay cho nguyên nhân hoặc khi hậu quả xấu xảy ra thì đổ lỗi cho hoàn cảnh.
- Trong thực tiễn, cần chú ý đến điều kiện, hoàn cảnh, nhân tố để thúc đẩy hoặc kìm hãm nguyên nhân nhằm thu được kết quả mong muốn.
 - Vận dụng thực tiễn
- Học tập:
 - + xác định nguyên nhân dẫn đến kết quả học tập thấp (thiếu pp học tập hiệu quả, môi trường học tập không hiệu quả)
 - + áp dụng các biện pháp khắc phục (thay đổi pp học tập, cải thiện môi trường học tập)

6. Khái niệm, mối quan hệ biện chứng giữa nội dung và hình thức. Ý nghĩa phương pháp luận. Vận dụng trong hoạt động thực tiễn.

- Khái niệm Nội dung và Hình thức

- Nội dung: là phạm trù dùng để **chỉ sự tổng hợp tất cả các mặt, các yếu tố, các đặc trưng, các quá trình tạo nên sự vật, hiện tượng.**
- Hình thức: là phạm trù dùng để biểu thị **phương thức tồn tại và phát triển** của sự vật, là hệ thống các mối liên hệ tương đối bền vững giữa các yếu tố trong sự vật đó, là cách thức tổ chức và kết cấu của sự vật.
 - Mối quan hệ biện chứng giữa nội dung và hình thức
- Nội dung và hình thức **thống nhất với nhau**
 - + không có nội dung nào nằm ngoài hình thức, không có hình thức nào không chứa nội dung
 - + một nội dung có thể biểu hiện qua nhiều hình thức
 - + một hình thức có thể chứa nhiều nội dung khác nhau
 - + nội dung bao giờ cũng giữ vai trò quyết định so với hình thức: nội dung luôn luôn thay đổi, còn hình thức mang tính ổn định, khi nội dung thay đổi thì kéo theo sự thay đổi của hình thức.
- **Sự tác động trở lại của hình thức đối với nội dung:**
 - + nếu hình thức phù hợp với nội dung thì sẽ thúc đẩy nội dung phát triển
 - + nếu hình thức không phù hợp (tân tiến quá hay lạc hậu quá) so với nội dung thì sẽ cản trở sự phát triển của nội dung.
 - Ý nghĩa phương pháp luận
- **Vì nội dung quyết định ý thức**, nên trong nhận thức và hành động, phải dựa trên nội dung, thay đổi hình thức từ nội dung. Chống chủ nghĩa hình thức đặc biệt trong nghiên cứu khoa học, giáo dục.
- **Vì nội dung có thể biểu hiện qua nhiều hình thức khác nhau**, nên cần sử dụng đa dạng hình thức để truyền tải nội dung. Chống chủ nghĩa bảo thủ, bệnh giáo điều trong nhận thức và thực tiễn.
- **Vì hình thức tác động trở lại với nội dung** nên cần chú ý đến sự phù hợp giữa nội dung và hình thức. Khi nội dung thay đổi cần chủ động thay đổi, chống chủ nghĩa bảo thủ, trì trệ, trọng hình thức mà coi nhẹ nội dung.
 - Vận dụng thực tiễn
- Trong giảng dạy:
 - + truyền tải kiến thức chính xác (nội dung)
 - + sử dụng pp giảng dạy phù hợp, sinh động (hình thức)

7. Khái niệm chất và lượng. Mối quan hệ biện chứng giữa chất và lượng. Ý nghĩa phương pháp luận. Ví dụ minh họa.

- Khái niệm chất và lượng; đặc điểm chất và lượng

- **Chất**: là một PTTH dùng để chỉ **tính quy định khách quan** vốn có của sự vật, là sự thống nhất hữu cơ của những thuộc tính làm cho sự vật là nó chứ không phải là cái khác.
- **Lượng**: là một PTTH dùng để chỉ những **đặc điểm về mặt số lượng, quy mô, trình độ** của sự vật và hiện tượng. Lượng có thể biểu hiện bằng con số hoặc các đơn vị đo lường khác nhau.
- **Đặc điểm chất và lượng**:
 - + Chất mang tính khách quan và ổn định, ít biến đổi so với lượng.
 - Mỗi quan hệ biện chứng giữa chất và lượng
- **Sự tăng lên hoặc giảm đi về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất**
 - + nếu sự thay đổi của độ còn nằm trong giới hạn độ thì sự vật đó vẫn là nó
 - Độ là ktg mà trong đó sự thay đổi về lượng chưa thay đổi về chất.
 - + nếu sự thay đổi về lượng vượt quá giới hạn, giới hạn đó là điểm nút thì lúc đó sẽ diễn ra bước nhảy làm cho sự vật có thể thay đổi trạng thái tồn tại, tính chất, màu sắc, trạng thái hoạt động, có thể chuyển thành một cái hoàn toàn khác với nó.
 - Điểm nút: là PTTH dùng để chỉ tại thời điểm mà tại đó sự thay đổi về lượng đủ làm thay đổi về chất của sự vật
 - Bước nhảy: tại điểm nút, với những điều kiện nhất định tất yếu sẽ dẫn tới sự ra đời của chất mới.
- **Sự tác động trở lại của chất đối với lượng**: khi chất mới hình thành sẽ tác động trở lại lượng theo hướng làm tăng lên hoặc giảm đi về: quy mô, tốc độ, nhịp điệu, năng suất của sự vật.
 - Ý nghĩa phương pháp luận
- Trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn, con người phải từng bước tích lũy về lượng để biến đổi chất, tránh tư tưởng chủ quan, nôn nóng
- Khi đã tích lũy đủ về lượng phải có quyết tâm thực hiện bước nhảy khắc phục tư tưởng bảo thủ, trì trệ
- Cần tránh tư tưởng phiến diện, coi trọng bệnh thành tích chỉ coi trọng số lượng không để ý đến chất lượng.
- Sự biến đổi về chất có nhiều cách thức khác nhau nên, do vậy cần sử dụng nhiều phương thức làm cho sự vật biến đổi về chất, chứ không phải một chiều duy nhất là thay đổi về lượng
 - Vận dụng thực tiễn
- Trong học tập
 - + nắm vững các kiến thức cơ bản về môn học (chất)
 - + tham gia các hoạt động thực hành, thí nghiệm (lượng)

8. **Khái niệm, sự hình thành mâu thuẫn. Sự thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập. Liên hệ xem xét vấn đề mâu thuẫn hiện nay ở Việt Nam và thế giới.**
- Khái niệm mâu thuẫn

- Mâu thuẫn: là khái niệm dùng để chỉ **mối liên hệ thống nhất, đấu tranh và chuyển hóa giữa các mặt đối lập** của mỗi sự vật, hiện tượng hoặc giữa các sự vật, hiện tượng với nhau.

➤ Sự hình thành mâu thuẫn

+ **giai đoạn đồng nhất**: khi mới hình thành sự vật bao giờ cũng đồng nhất với chính nó

VD: trong các cộng đồng nguyên thủy các thành viên sống bình đẳng theo hình thức tự quản, chưa phân hóa giàu nghèo, chưa có nhà nước

+ **giai đoạn hình thành khác biệt**: trong quá trình vận động, sự vật bắt đầu có sự khác biệt giữa các mặt, các yếu tố.

VD: trong cộng đồng nguyên thủy dần dần có sự phân hóa giữa giàu nghèo

+ **giai đoạn phát sinh các mặt đối lập**: các mặt yếu tố khác nhau phát triển, rồi chuyển thành đối lập

VD: sự phân hóa giữa giàu nghèo làm phát sinh hai giai cấp đối lập là chủ nô-nô lệ

+ **giai đoạn hình thành mâu thuẫn**: các mặt đối lập tác động lẫn nhau phát sinh quyền lợi mục đích trái ngược nhau gọi là mâu thuẫn.

VD: sự tác động giữa chủ nô và nô lệ làm phát sinh mâu thuẫn giai cấp

➤ Đặc điểm của mâu thuẫn

- Mâu thuẫn mang tính khách quan: có bên trong sự vật, hiện tượng, tồn tại không phụ thuộc vào ý thức con người.

- Mâu thuẫn mang tính phổ biến: tồn tại trong mọi sự vật, hiện tượng (tự nhiên, xã hội, tư duy)

- Mâu thuẫn mang tính đa dạng, phong phú:

- mâu thuẫn bên trong – mâu thuẫn bên ngoài
- mâu thuẫn cơ bản – mâu thuẫn không cơ bản
- mâu thuẫn chủ yếu – mâu thuẫn thứ yếu
- mâu thuẫn đối kháng – mâu thuẫn không đối kháng (chỉ có trong xã hội)

➤ Sự thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập

- Các mặt đối lập luôn có xu hướng xung khắc nhau, song lại tồn tại trong cùng một sự vật làm tiền đề tồn tại cho nhau nương tựa vào nhau gọi là sự thống nhất giữa các mặt đối lập.

- Sự thống nhất chỉ mang tính tạm thời, tương đối, trong bản chất luôn dẫn đến chiến tranh

- Sự đấu tranh giữa các mặt đối lập là các mặt đối lập tác động theo xu hướng bài trừ, phủ định, kìm hãm sự phát triển của nhau.

- Sự đấu tranh giữa các mặt đối lập là một quá trình diễn ra nhiều bước.

- Sự đấu tranh giữa các mặt đối lập là động lực của sự phát triển.

➤ Liên hệ

- Việt Nam:

Mâu thuẫn giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường: nhu cầu phát triển kinh tế dẫn đến nguy cơ ô nhiễm môi trường cao

Mâu thuẫn giữa công nghiệp hoá hiện đại hoá với giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc: nh cần phát triển đòi hỏi phải đổi mới nhưng cần giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống.

- Thế giới:

Mâu thuẫn giàu – nghèo: khoảng cách giàu nghèo ngày càng gia tăng, dẫn đến bất ổn xã hội

Mâu thuẫn giữa con người với thiên nhiên: biến đổi khí hậu, thiên tai do con người tác động.

9. **Phân loại mâu thuẫn và ý nghĩa các loại mâu thuẫn đối với sự phát triển và tồn tại của sự vật và hiện tượng. Ví dụ liên hệ.**

➤ Khái niệm mâu thuẫn:

- Mâu thuẫn: là khái niệm dùng để chỉ mối liên hệ thống nhất, đấu tranh và chuyển hóa giữa các mặt đối lập của mỗi sự vật, hiện tượng hoặc giữa các sự vật, hiện tượng với nhau.

Phân loại và ý nghĩa các loại mâu thuẫn đối với sự phát triển và tồn tại của sự vật và hiện tượng

- Triết học Mác – Lênin phân loại mâu thuẫn thành 4 dạng cơ bản

- Mâu thuẫn bên trong (mâu thuẫn giữa các yếu tố trong lòng sự vật) - bên ngoài (mâu thuẫn giữa các sự vật, hiện tượng)
 - Mâu thuẫn cơ bản (mâu thuẫn quán xuyên quá trình tồn tại của sự vật) - mâu thuẫn không cơ bản (mâu thuẫn đặc trưng cho một mặt, một quá trình nào đó của sự vật)
 - Mâu thuẫn chủ yếu (mâu thuẫn cơ bản nổi lên hàng đầu đòi hỏi phải cấp thiết giải quyết) - mâu thuẫn thứ yếu (không đóng vai trò chủ đạo đối với sự phát triển của sự vật)
 - Mâu thuẫn đối kháng (là mâu thuẫn giữa các giai cấp có lợi ích trái ngược không điều hòa được) - mâu thuẫn không đối kháng (mâu thuẫn giữa các giai cấp có lợi ích căn bản giống nhau nhưng còn đôi chỗ khác biệt)
- Ý nghĩa các loại mâu thuẫn đối với sự phát triển và tồn tại của sự vật và hiện tượng. Ví dụ liên hệ.

- Mâu thuẫn bên trong - bên ngoài

+ bên trong

- Là động lực thúc đẩy sự phát triển: mâu thuẫn bên trong tạo ra nội lực để sự vật, hiện tượng thay đổi, phát triển.
- Là nguồn gốc của các bước nhảy vọt: khi mâu thuẫn bên trong được giải quyết, sự vật, hiện tượng sẽ có bước phát triển đột biến.

+ bên ngoài:

- Là nguồn lực thúc đẩy sự phát triển: mâu thuẫn bên ngoài buộc sự vật, hiện tượng phải thích ứng, hoàn thiện, để tồn tại và phát triển.
- Là thách thức cần được giải quyết: mâu thuẫn bên ngoài có thể cản trở sự phát triển nếu không được giải quyết kịp thời.

- Mâu thuẫn cơ bản – không cơ bản

+ cơ bản

- Động lực thúc đẩy sự phát triển: mtcb là nguồn gốc của mọi biến đổi, phát triển; nhờ có mtcb mà svht không ngừng vận động, phát triển
- Yếu tố cần thiết: mtcb là điều kiện tiên quyết cho sự phát triển; không có mtcb thì không có sự phát triển

+ không cơ bản

- Thúc đẩy sự phát triển rtrong một thời gian nhất định
- Cần được giải quyết đúng đắn: nếu không sẽ dẫn đến những hậu quả tiêu cực, thậm chí cản trở sự phát triển

- Mâu thuẫn chủ yếu – thứ yếu

+ chủ yếu

- Đóng vai trò quyết định sự phát triển: chi phối hướng phát triển của sự vật, hiện tượng
- Cần được tập trung giải quyết: là chìa khóa để thúc đẩy sự phát triển

+ thứ yếu:

- Phục tùng mâu thuẫn chủ yếu: cần được giải quyết song song với mt chủ yếu
- Có ảnh hưởng đến sự phát triển: giải quyết mttý góp phần thúc đẩy sự phát triển chung

- Mâu thuẫn đối kháng – không đối kháng

+ đối kháng

- Là động lực chủ yếu cho sự phát triển: tạo ra những bước nhảy vọt, thúc đẩy sự phát triển đột biến
- Là nguồn gốc của những biến đổi về chất
- Có thể dẫn đến xung đột, mâu thuẫn gay gắt: cần giải quyết mtdk một cách triệt để để đảm bảo sự phát triển ổn định

+ không đối kháng

- Là động lực cho sự phát triển: thúc đẩy sự phát triển của sự vật, hiện tượng một cách ôn hòa, liên tục
- Là nguồn gốc của những biến đổi về lượng
- Có thể giải quyết bằng biện pháp hòa bình: cần giải quyết một cách hợp lý, tránh mâu thuẫn leo thang.